TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 136/2020/DS-ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2020
Vv "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Dũng

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1806/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ái M, sinh năm 1946; có mặt
Địa chỉ: 28/4 TBT, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1963; có mặt
Địa chỉ: Thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1946
Địa chỉ: 131/19/7 Đường số 7, khu phố 8, phường BHH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Minh H: ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1973; có mặt
Địa chỉ: 131/19/7 Đường số 7, khu phố 8, phường BHH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 7 năm 2020.

2. Ông Nguyên Minh M, sinh năm 1926; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

3. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1965; có mặt
Địa chỉ: 1A/22 TBH, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1967; có mặt
Địa chỉ: 1153 THĐ, phường ĐĐ, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

5. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1969; có mặt
Địa chỉ: 162/7 LHP, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

6. Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1971; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt
Địa chỉ: 28/4 TBT, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1974; có mặt
Địa chỉ: 28/4 TBT, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

8. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1978; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt
Địa chỉ: 28/4 TBT, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

9. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt
Địa chỉ: 28/4 TBT, phường LL, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

10. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1965; có mặt
Địa chỉ: Thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

11. Bà Phan Thị C, sinh năm 1969; vợ ông H, vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

12. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1971; vợ ông C, có mặt
Địa chỉ: Thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

NỘI D VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2018, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M trình bày:

- Về quan hệ gia đình: Cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn Năm (chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị Đại (chết năm 1999). Cha mẹ chồng bà có 03 người con là ông Nguyễn Minh M, chồng bà là ông Nguyễn Văn T (chết ngày 02 tháng 4 năm 2017) và ông Nguyễn Minh H. Cha mẹ chồng bà không có con riêng hay con nuôi nào khác. Bà và ông Nguyễn Văn T có bảy người con: Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức T.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Khi cha mẹ chồng bà còn sống có tạo lập khu vườn, nay là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Thửa đất này hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Minh C và vợ chồng ông Nguyễn Minh H là con trai ông Nguyễn Minh M đang quản lý sử dụng. Cha mẹ chồng bà chết không để lại di chúc. Nay bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ chồng bà để lại là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Bà yêu cầu phần của bà và các con của bà được chia thì bà được nhận thửa đất chiều ngang 09m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m như "Biên bản về việc thống nhất thỏa thuận phân chia tách thửa đất ở có nguồn gốc của cha mẹ ruột để

lại từ trước năm 1975" lập ngày 27 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định (Biên bản này có các ông: Nguyễn Minh M, Nguyễn Văn T, Nguyễn MinhH, Nguyễn Minh C ký và bà Huỳnh Thị P là vợ ông C điểm chỉ). Bà chỉ yêu cầu chia thửa đất, không tranh chấp tài sản trên thửa đất.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông C và ông H có ý kiến chia thửa đất cho bà và các con của bà chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m, bà thống nhất. Phần diện tích đất mà bà và các con của bà được nhận nếu ít hơn giá trị kỷ phần được chia thì bà không yêu cầu ông C và ông H thối lại giá trị chênh lệch.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày:

- Về quan hệ gia đình: ông thống nhất như bà M trình bày. Ông là con ông Nguyễn Minh M.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Khi ông bà nội ông còn sống có tạo lập khu vườn, nay là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Hiện nay ông và ông Nguyễn Minh H là con trai ông Nguyễn Minh M đang quản lý sử dụng thửa đất này. Vợ chồng ông đã xây cất nhà ở trên thửa đất này từ năm 2000 đến nay, còn vợ chồng ông H đã xây cất nhà ở trên thửa đất này từ năm 2002 đến nay. Ông bà nội ông chết không để lại di chúc đối với thửa đất này. Nay bà Nguyễn Thị Ái M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội ông để lại là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, ông đồng ý và yêu cầu chia theo qui định của pháp luật. Ông yêu cầu được sử dụng đối với phần đất của cha ông được chia vì cha ông đã giao cho ông và ông H xây cất nhà ở và sử dụng thửa đất này từ năm 2000 đến nay. Ông không tranh chấp tài sản trên thửa đất.

Ông đồng ý chia cho bà M và các con bà M chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m, ông không đồng ý chia chiều ngang 09m như yêu cầu của bà M.

Ông đồng ý chia cho ông Nguyễn MinhH chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m, ông không đồng ý chia chiều ngang 09m như yêu cầu của ôngH.

Ông công nhận chữ ký của ông tại "Biên bản về việc thống nhất thỏa thuận phân chia tách thửa đất ở có nguồn gốc của cha mẹ ruột để lại từ trước năm 1975" lập ngày 27 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định là do ông ký.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Theo bản tự khai ngày 27 tháng 7 năm 2020 và tại phiên Tòa hôm nay, ông Nguyễn Minh S là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H trình bày:

- Về quan hệ gia đình: ông thống nhất như bà M trình bày. Ông là con ông Nguyễn MinhH.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: ông thống nhất về di sản thừa kế như bà

Nguyễn Thị Ái M trình bày và thống nhất như yêu cầu của bà M. Ông yêu cầu chia cho cha ông được nhận thửa đất chiều ngang 09m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m như "Biên bản về việc thống nhất thỏa thuận phân chia tách thửa đất ở có nguồn gốc của cha mẹ ruột để lại từ trước năm 1975" lập ngày 27 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Ông chỉ yêu cầu chia thửa đất, không tranh chấp tài sản trên thửa đất.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông C và ông H có ý kiến chia thửa đất cho cha của ông chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m, ông thống nhất. Phần diện tích đất mà cha của ông được nhận nếu ít hơn giá trị kỷ phần được chia thì ông không yêu cầu ông C và ông H thối lại giá trị chênh lệch.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh M vắng mặt tại phiên Tòa. Theo các lời khai có tại hồ sơ ông Nguyễn Minh M trình bày:

- Về quan hệ gia đình: ông thống nhất như bà M trình bày. Ông là cha ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh H.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Khi cha mẹ ông còn sống có tạo lập khu vườn, nay là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2 m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Vợ chồng ông Nguyễn Minh C và vợ chồng ông Nguyễn Minh H là con trai ông đã xây cất nhà ở trên thửa đất này từ năm 2000 và năm 2002 đến nay và hiện nay đang quản lý sử dụng thửa đất này. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Nay bà M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông để lại là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2 m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, ông đồng ý và ông yêu cầu chia thừa kế theo qui định của pháp luật, phần của ông được chia ông yêu cầu được nhận phần diện tích đất trên thửa đất này và ông tự nguyện giao lại cho hai con của ông là ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh H, vì ông C và ông H đã xây cất nhà ở và sử dụng thửa đất này từ năm 2000 đến nay.

Vì lý do tuổi cao sức yếu, đau bệnh, nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các buổi Tòa án triệu tập và xin được vắng mặt tại các buổi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H trình bày:

- Về quan hệ gia đình: ông thống nhất như bà M trình bày. Ông Nguyễn Minh M là cha ông.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Khi ông bà nội ông còn sống có tạo lập khu vườn, nay là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2 m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Hiện nay ông và ông Nguyễn Minh C là con ông Nguyễn Minh M đang quản lý sử dụng thửa đất này. Vợ chồng ông C đã xây cất nhà ở trên thửa đất này từ năm 2000 đến nay, còn vợ chồng ông đã xây cất nhà ở trên thửa đất này từ năm 2002 đến nay. Ông bà nội ông chết không để lại di chúc đối với thửa đất này. Nay bà Nguyễn Thị Ái M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội ông để lại là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2 m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, ông đồng ý và yêu cầu chia theo qui định của pháp luật. Ông yêu cầu được sử dụng đối với phần đất của

cha ông được chia vì cha ông đã giao cho ông và ông C xây cất nhà ở và sử dụng thửa đất này từ năm 2000 đến nay. Ông không tranh chấp tài sản trên thửa đất.

Ông đồng ý chia cho bà M và các con bà M chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m, ông không đồng ý chia chiều ngang 09m như yêu cầu của bà M.

Ông đồng ý chia cho ông Nguyễn MinhH chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m, ông không đồng ý chia chiều ngang 09m như yêu cầu của ôngH.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị P trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là vợ ông Nguyễn Minh C. Bà thống nhất như ông C trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Bà thống nhất như ông C trình bày. Nay bà Nguyễn Thị Ái M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông C.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C vắng mặt tại phiên Tòa. Theo các lời khai có tại hồ sơ bà Phan Thị C trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là vợ ông Nguyễn Minh H, bà thống nhất như ông H trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Bà thống nhất như ông H trình bày. Nay bà Nguyễn Thị Ái M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông H.

Vì lý do công việc, nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các buổi Tòa án triệu tập và xin được vắng mặt các buổi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà. Mọi ý kiến và yêu cầu bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của chồng bà là ông Nguyễn Minh H.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, bà thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần bà được chia bà giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, bà thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần bà được chia bà giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, bà thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần bà được chia bà giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích D vắng mặt tại phiên tòa. Theo các lời khai có tại hồ sơ bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, bà thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: Bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần bà được chia bà giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

Vì lý do công việc, nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các buổi Tòa án triệu tập và xin được vắng mặt các buổi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà. Mọi ý kiến và yêu cầu bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ái M.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

- Về quan hệ gia đình: bà là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, bà thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần bà được chia bà giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức L vắng mặt tại phiên tòa. Theo các lời khai có tại hồ sơ ông Nguyễn Đức L trình bày:

- Về quan hệ gia đình: ông là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, ông thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: ông thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần ông được chia ông giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Vì lý do công việc, nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các buổi Tòa án triệu tập và xin được vắng mặt các buổi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Mọi ý kiến và yêu cầu ông thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ái M.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa. Theo các lời khai có tại hồ sơ ông Nguyễn Đức T trình bày:

- Về quan hệ gia đình: ông là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ái M, ông thống nhất như bà M trình bày.

- Về tài sản tranh chấp thừa kế: ông thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà M. Phần ông được chia ông giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng.

Vì lý do công việc, nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các buổi Tòa án triệu tập và xin được vắng mặt các buổi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Mọi ý kiến và yêu cầu ông thống nhất như lời khai và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ái M.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng:

+ Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn xét xử: Vụ án thụ lý ngày 03 tháng 01 năm 2019, ngày 24 tháng 6 năm 2020 Tòa có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay ông M vắng mặt nhưng theo lời khai của ông M có tại hồ sơ thì phần diện tích đất của ông được chia thừa kế, ông giao lại toàn bộ cho hai người con của ông là ông C và ông H. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa bao gồm bà M, các người con của bà M, đại diện theo ủy quyền của ôngH là anh S và ông C, ông H có ý kiến thống nhất phần của ông M được nhận chia di sản thừa kế thì giao lại toàn bộ cho hai người con của ông M là ông C và ông H. Các đương sự có mặt tại phiên tòa cùng thống nhất thỏa thuận như sau: Chia phần của ông T (giao cho bà M cùng các con của bà M và ông T) và ông H mỗi người được nhận phần đất có chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông phía Nam) và chiều dài là 22m (diện tích là 7,5m x 22m= 165m^2 đất ở), toàn bộ diện tích còn lại giao cho ông C và ông H toàn quyền sử dụng và tự phân chia. Xét thấy, tại phiên tòa mặc dù vắng mặt một số đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như ông M là cha của ông C và ông H, bà D là con của bà M, bà C là vợ ông H nhưng họ đều có bản khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Ý kiến của ông M đồng thuận với ý kiến của ông C và ông H, ý kiến của bà D đồng thuận với ý kiến của bà M, ý kiến của bà C đồng thuận ý kiến của ông H, nên sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên Tòa là ý chí xuyên suốt của nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

Sự thống nhất cách chia và thỏa thuận như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 609, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ái M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của cha mẹ chồng của bà là cụ Nguyễn Năm và cụ Nguyễn Thị Đại để lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; thửa đất tranh chấp tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định và bị đơn là ông Nguyễn Minh C có hộ khẩu thường trú tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Minh M, bà Nguyễn Thị Bích D, bà Phan Thị C vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà D và bà C.

* Về thời hạn xét xử theo ý kiến của Kiểm sát viên là vi phạm thời hạn xét xử, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vụ án thụ lý ngày 03 tháng 01 năm 2019, Chánh án ký Quyết định phân công số 02/2019/QĐ-TA, ngày 03 tháng 01 năm 2019 phân công bà NTH là Thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, bà TTLQ là Thư ký. Đến ngày 28 tháng 6 năm 2019, Chánh án ký Quyết định số 51/QĐ-CA, thay đổi Thẩm phán NTH bằng Thẩm phán Võ Duy Minh (vì Thẩm phán NTH đã nghỉ hưu). Sau khi được phân công tiếp tục giải quyết vụ án, qua kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ thì phát hiện có nhiều văn bản tố tụng, tài liệu có trong hồ sơ vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể:

- Theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 362/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2019 (bút lục số 99) thì thời gian mở phiên họp vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03 tháng 4 năm 2019, nhưng:

+ Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 17 tháng 5 năm 2019, Thẩm phán chủ trì phiên họp là ông Nguyễn Quý P, Thư ký phiên họp là bà TTLQ. Nhưng tại Biên bản này cả Thẩm phán và Thư ký đều không ký vào Biên bản (bút lục số 111, 112, 113, 114). Tại phiên họp có mặt sáu đương sự là bà M, ông M, ông C, bà P, ông H và bà C. Nhưng không có chữ ký của bà M, còn ông C ghi vào Biên bản "vợ tôi Huỳnh Thị P đồng ý nội dung biên bản nhưng không ký".

+ Tại Biên bản hòa giải là vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 17 tháng 5 năm 2019, Thẩm phán chủ trì phiên họp là ông Nguyễn Quý P, Thư ký phiên họp là bà TTLQ. Nhưng tại Biên bản này C Thẩm phán và Thư ký đều không ký vào Biên bản (bút lục số 115, 116, 117, 118). Tại phiên hòa giải có mặt sáu đương sự là bà M, ông M, ông C, bà P, ông H và bà C. Nhưng không có chữ ký của bà M, còn ông C ghi vào Biên bản "vợ tôi Huỳnh Thị P đồng ý nội D biên bản nhưng không ký".

+ Tại Biên bản hòa giải thành là vào ngày 17 tháng 5 năm 2019, Thẩm phán chủ trì phiên họp là bà NTH, Thư ký phiên họp là bà TTLQ. Nhưng tại Biên bản này cả Thẩm phán và Thư ký đều không ký vào Biên bản (bút lục số 119, 120,

121). Tại phiên họp có mặt sáu đương sự là bà M, ông M, ông C, bà P, ông H và bà C. Ông C ghi vào Biên bản "vợ tôi Huỳnh Thị P đồng ý nhưng không ký".

- Tại Biên bản tống đạt ngày 17 tháng 5 năm 2019, do bà TTLQ thực hiện việc tống đạt (tống đạt tại trụ sở Tòa án): tống đạt Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 và sơ đồ hiện trạng thửa đất cho ông Nguyễn Minh H (bút lục số108). Biên bản tống đạt ngày 17 tháng 5 năm 2019, do bà TTLQ thực hiện việc tống đạt (tống đạt tại trụ sở Tòa án): tống đạt Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 và sơ đồ hiện trạng thửa đất cho ông Nguyễn Minh C (bút lục số107). Biên bản tống đạt ngày 20 tháng 5 năm 2019, do bà TTLQthực hiện việc tống đạt (tống đạt tại trụ sở Tòa án): tống đạt Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 cho ông Nguyễn Đức L và ông Nguyễn Đức T (bút lục số 104). Biên bản tống đạt ngày 21 tháng 5 năm 2019, do bà TTLQ thực hiện việc tống đạt (tống đạt tại trụ sở Tòa án): tống đạt Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Bích D, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích T (bút lục số102). Tuy nhiên Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 không có Thẩm phán chủ trì phiên họp và Thư ký phiên họp ký vào Biên bản thì Biên bản này không có giá trị pháp lý nên việc tống đạt này là hoàn toàn không có.

- Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 20 tháng 5 năm 2019 (bút lục số 105) của ông Nguyễn Đức L và ông Nguyễn Đức T, nội D: "Ngày 20 tháng 5 năm 2019, chúng tôi có nhận được biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TP về việc lập biên bản những nội dung hòa giải được vụ án tranh chấp. Bằng văn bản này, chúng tôi thống nhất với nội dung của biên bản hòa giải thành mà các đương sự đã thỏa thuận được và Tòa án nhân dân huyện TP đã lập biên bản". Tuy nhiên Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 không có Thẩm phán chủ trì phiên họp và Thư ký phiên họp ký vào Biên bản thì Biên bản này không có giá trị pháp lý nên Văn bản trình bày ý kiến của ông L và ông T là hoàn toàn không có thật.

- Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 21 tháng 5 năm 2019 (bút lục số 103) của bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Bích D, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích T, nội D: "Ngày 20 tháng 5 năm 2019, chúng tôi có nhận được biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TP về việc lập biên bản những nội dung hòa giải được vụ án tranh chấp. Bằng văn bản này, chúng tôi thống nhất với nội dung của biên bản hòa giải thành mà các đương sự đã thỏa thuận được và Tòa án nhân dân huyện TP đã lập biên bản". Tuy nhiên Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 không có Thẩm phán chủ trì phiên họp và Thư ký phiên họp ký vào Biên bản thì Biên bản này không có giá trị pháp lý nên Văn bản trình bày ý kiến của các đương sự là hoàn toàn không có thật.

- Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 25 tháng 5 năm 2019 (bút lục số 106) của ông Nguyễn Minh H, nội dung: "Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tôi có nhận được biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TP về việc lập biên bản những nội dung hòa giải được vụ án tranh chấp. Bằng văn bản này, chúng tôi thống nhất với nội dung của biên bản hòa giải thành mà các đương sự đã thỏa thuận được và Tòa án nhân dân huyện TP đã lập biên bản". Tuy nhiên Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 không có Thẩm phán chủ trì

phiên họp và Thư ký phiên họp ký vào Biên bản thì Biên bản này không có giá trị pháp lý nên Văn bản trình bày ý kiến của ông H là hoàn toàn không có thật.

- Tại Bản tự khai ngày 26 tháng 6 năm 2020 (bút lục số 177), bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: "Tôi có ký vào Biên bản tống đạt ngày 21 tháng 5 năm 2019, do bà TTLQ lập Biên bản. . . Theo tôi được biết thì Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019, Biên bản hòa giải và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17 tháng 5 năm 2019 do bà NTHvà bà TTLQ đem ra tại thửa đất đang tranh chấp. . . để đưa cho ông C, ông M, ông H và mẹ tôi Nguyễn Thị Ái M ký vào Biên bản, bà P vợ ông C có mặt nhưng không ký và cũng không lăn tay vào Biên bản, bà C vợ ông H lăn tay vào Biên bản. Hôm đó cũng có mặt chị em chúng tôi: Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Hồng P đều có mặt nhưng bà H và bà Q không đưa cho chúng tôi ký vào các Biên bản trên. Văn bản trình bày ý kiến ngày 21 tháng 5 năm 2019 là do bà Q đánh máy vi tính rồi đưa cho chị em chúng tôi ký vào. Nhưng thực tế chúng tôi không có nhận Biên bản hòa giải thành của Tòa án. Biên bản tống đạt ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Văn bản trình bày ý kiến ngày 20 tháng 5 năm 2019 do Nguyễn Đức L và Nguyễn Đức T ký vào hai Biên bản trên là do bà TTLQđưa cho tôi và bảo tôi gửi bưu điện vào thành phố Hồ Chí Minh cho L và T ký vào rồi gửi bưu điện về lại cho tôi rồi tôi đưa lại cho bà Q. Thực tế L và T không có đến Tòa án lần nào". Các bà: Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Thị Ái M cũng thống nhất với nội D Bản tự khai của bà L và ký vào Bản tự khai này.

- Tại Bản tự khai ngày 26 tháng 6 năm 2020 (bút lục số 178), ông Nguyễn Minh C trình bày: "Vào khoảng cuối tháng 5 năm 2019, bà NTHvà bà TTLQcó ra nhà tôi (vào buổi chiều) đưa cho vợ chồng tôi ký vào biên bản hòa giải thành, Biên bản hòa giải và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Bà H và bà Q bảo vợ chồng tôi ký vào các biên bản trên. Vợ tôi không đồng ý ký vào các biên bản trên vì vợ tôi không thống nhất nội dung các biên bản trên. Bà H và bà Q bảo tôi ghi vào biên bản: vợ tôi Huỳnh Thị P đồng ý nội D biên bản nhưng không ký. Vào lúc này cũng có mặt bà M, bà L, bà T, bà P, bà P, vợ chồng ông H bà C. Hôm đó cha tôi Nguyễn Minh M không có mặt. Qua mấy ngày sau thì bà H lại đem các biên bản trên xuống nhà tôi bảo vợ tôi lăn tay, nhưng vợ tôi không đồng ý. Biên bản tống đạt ngày 17 tháng 5 năm 2019 là do bà H và bà Q đến nhà tôi bảo tôi ký vào biên bản, nhưng thực tế tôi không có nhận biên bản hòa giải thành và sơ đồ hiện trạng thửa đất nào C".

Mặc khác, bà NTH đã nghĩ hưu vào ngày 01 tháng 5 năm 2019, nhưng Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 vẫn để tên bà H. Thời gian này bà H mặc dù đã nghĩ hưu nhưng vẫn cùng với bà Q đến nhà đương sự để ký vào các Biên bản là vi phạm.

Trong hồ sơ có Biên bản định giá tài sản, nhưng không có Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là vi phạm thủ tục tố tụng dân sự.

Vì những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trên, nên sau khi tiếp nhận hồ sơ, Thẩm phán phải tiến hành làm lại các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật: Bản tự khai của các đương sự; xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp; xác minh, thu thập chứng cứ; mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên thời gian giải quyết vụ án phải kéo dài.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn MinhH, ông Nguyễn Minh M, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích D, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức T yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Năm và cụ Đại để lại là thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Minh C và vợ chồng ông Nguyễn Minh H là con ông Nguyễn Minh M đang quản lý sử dụng thửa đất này. Hội đồng xét xử xét thấy cụ Nguyễn Năm (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị Đại (chết năm 1999) không có để lại di chúc đối với di sản để lại là thửa đất nêu trên. Do đó di sản của cụ Năm và cụ Đại được chia thừa kế theo pháp luật theo qui định tại Điều 649, Điều 650 của Bộ luật dân sự. Tại phiên Tòa hôm nay các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với thửa đất nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Năm và cụ Đại gồm có: ông Nguyễn Minh M, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn MinhH, là những người con của cụ Năm và cụ Đại nên những người này được hưởng di sản bằng nhau theo qui định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự. Ông Nguyễn Văn T (chết ngày 02 tháng 4 năm 2017) nên vợ ông T là bà Nguyễn Thị Ái M và các con của ông T: bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, bà Nguyễn Thị Bích D, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Đức L, ông Nguyễn Đức T được hưởng phần di sản của ông T. Cụ Năm và cụ Đại chết không để lại nghĩa vụ về tài sản của mình nên những người được hưởng di sản của cụ Năm và cụ Đại không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do cụ Năm và cụ Đại chết để lại.

Tại phiên Tòa hôm nay ông Nguyễn Minh M vắng mặt nhưng theo lời khai của ông M có tại hồ sơ thì phần diện tích đất của ông được chia thừa kế, ông giao lại toàn bộ cho hai người con của ông là ông C và ông H được quyền sở hữu sử dụng. Bà Nguyễn Thị Bích D vắng mặt nhưng theo lời khai của bà D có tại hồ sơ thì bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của mẹ bà là bà Nguyễn Thị Ai M và phần diện tích đất của bà được chia bà giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng. Bà Phan Thị C vắng mặt nhưng theo lời khai của bà C có tại hồ sơ thì bà thống nhất như ý kiến và yêu cầu của chồng bà là ông Nguyễn Minh H. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa bao gồm nguyên đơn bà M; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con của bà M và ông T: bà L, bà T, bà P, bà D, bà P, ông L, ông T; đại diện theo ủy quyền của ôngH là ông S, ông H và bị đơn ông C có ý kiến thống nhất phần diện tích đất của ông M được nhận chia di sản thừa kế thì giao lại toàn bộ cho hai người con của ông M là ông C và ông H. Chia phần thừa kế cho ông T (ông T chết nên phần thừa kế của ông T được giao cho bà M cùng các con của bà M và ông T, tuy nhiên các con của bà M và ông T tự nguyện và thống nhất giao lại toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng nên phần di sản này được giao cho bà M) được nhận phần diện tích đất 164,8m^2 (đất ở), có chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài là 22m (phần thứ hai theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất). Chia phần thừa kế cho ôngH được nhận phần diện tích đất 174,9m^2 (đất ở), có chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài là 22m (phần thứ nhất theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất). Toàn bộ diện tích đất còn lại 1232,5m^2 (trong đó có 280,3m^2 đất ở và 952,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác, phần thứ ba theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất) giao cho ông C và ông H được toàn quyền sở hữu sử dụng chung và tự phân chia. Xét thấy, tại phiên tòa mặc

dù vắng mặt một số đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như ông M là cha của ông C và ông H, bà D là con của bà M, bà C là vợ ông H nhưng họ đều có bản khai trong hồ sơ vụ án, ý kiến của ông M đồng thuận với ý kiến của ông C và ông H, ý kiến của bà D đồng thuận với ý kiến của bà M, ý kiến của bà C đồng thuận ý kiến của ông H, nên sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên Tòa cũng là ý chí xuyên suốt của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Sự thống nhất về cách chia và sự thỏa thuận như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 609, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Theo Biên bản định giá ngày 13 tháng 3 năm 2019 thì giá đất ở là 140.000 đồng/m^2, giá đất vườn là 38.000 đồng/m^2; đất ở theo giá thị trường là 3.000.000 đồng/m^2. Tại phiên tòa hôn nay, bà M và các người con của bà M cũng như ông S không yêu cầu ông C và ông H hoàn lại phần giá trị di sản do được nhận ít hơn so với kỷ phần được chia nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà M, ôngH, ông M được miễn nộp tiền án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ái M 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002729 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

[5] Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Các đương sự phải chịu 17.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà M tự nguyện chịu 17.000.000 đồng (bà M đã nộp xong).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Xác định thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2 (trong đó có 620m^2 đất ở và 952,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác), tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định, là di sản của cụ Nguyễn Năm và cụ Nguyễn Thị Đại để lại được chia thừa kế theo phápluật.

1.1 Chia giao cho bà Nguyễn Thị Ái M được quyền sử dụng diện tích đất 164,8m^2 (đất ở), có chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m (phần thứ hai theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất), thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

1.2 Chia giao cho ông Nguyễn Minh H được quyền sử dụng diện tích đất 174,9m^2 (đất ở), có chiều ngang 7,5m (giáp đường bê tông) và chiều dài 22m (phần thứ nhất theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất), thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

1.3 Chia giao cho ông Nguyễn Minh C và ông Nguyễn Minh H được quyền sử dụng chung diện tích đất 1232,5m^2 (trong đó có 280,3m^2 đất ở và 952,2m^2 đất trồng

cây hàng năm khác, phần thứ ba theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất), thuộc thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Các đương sự được quền đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo qui định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ái M, ông Nguyễn Minh H và ông Nguyễn Minh M được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ái M 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002729 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

3. Về chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Ái M tự nguyện chịu 17.000.000 đồng (bà M đã nộp xong).

Đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 16 tháng 12 năm 2020. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Dũng Phạm Thị Tuyết Mai **Võ Duy Minh**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TP;
- CC THADS H. TP;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh

Xét về điều kiện chổ ở để chia di sản bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy bà Bảy từ nhỏ đến nay ở với cha mẹ cho đến khi hai cụ qua đời, bà Bảy không có chồng con, không có nơi ở nào khác và hiện nay vẫn đang ở trên thửa đất này. Bà Ánh thì cũng không có chồng con và hiện đang ở chung với bà Sáu. Còn những người còn lại đã có nơi ở ổn định. Theo qui định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, thì "Diện tích tối thiểu của một thửa đất ở sau khi được tách thửa là 40m^2". Đối với thửa đất của cụ Đắc để lại thì diện tích đất ở là 60m^2, không đủ điều kiện để chia thửa đất này thành hai thửa. Do đó giao di sản của cụ Đắc là thửa đất thửa đất số 62, tờ bản đồ số 05, diện tích 231,6m^2 cho bà Bảy và bà Ánh được quyền sử dụng. Bà Bảy và bà Ánh phải có nghĩa vụ thối lại kỷ phần thừa kế bằng tiền cho ông Bảo, ông Ba, bà Sáu và bà Tám. Theo biên bản định giá ngày của Hội đồng định giá tài sản thì giá trị đất ở theo giá thị trường là , giá trị đất trồng cây hàng năm khác theo giá thị trường là . Do đó bà Bảy và bà Ánh phải thối lại kỷ phần thừa kế ông Bảo, ông Ba, bà Sáu và bà Tám mỗi người tương ứng với số tiền là.

Xét về công sức đóng góp thì ông Nguyễn Minh C là người có công quản lý, bảo quản di sản, vợ chồng ông C có đóng góp nhất định trong việc chăm sóc phụng dưỡng bà nội ông là cụ Đại, thờ cúng ông bà, đăng ký kê khai và nộp thuế hằng năm cho Nhà nước nên phần công sức của ông C được tính là 1 suất thừa kế như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Như vậy di sản của cụ Năm và cụ

Đại được chia tổng cộng là 4 suất. Ông M đồng ý chia thừa kế, phần của ông được nhận ông tự nguyện giao lại cho ông C và ông H, giữa ông C và ông H không có ý kiến phân chia rạch ròi về di sản được nhận nên hai ông được nhận chung 2 suất. Phần của ông T thì vợ của ông T và các con của ông T bà M đều thống nhất giao lại cho bà M được trọn quyền sở hữu sử dụng nên được chia giao cho bà M.

Về di sản các bên tranh chấp: các bên không tranh chấp về tài sản trên thửa đất mà chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25, diện tích 1572,2m^2 (trong đó có 620m^2 đất ở và 952,2m^2 đất vườn), tọa lạc tại thôn QV, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định. Bà M và ôngH yêu cầu chia mỗi người chiều ngang mặt tiền 09m và chiều dài từ trước ra sau 22m như Biên bản thỏa thuận mà các bên đã ký, nhưng ông C và ông H chỉ đồng ý chia mỗi người chiều ngang 06m và chiều dài từ trước ra sau 20m. Hội đồng xét xử xét thấy chiều ngang mặt tiền của thửa đất là 23,46m giáp với đường đi nên có giá trị cao hơn phần đất còn lại phía sau của thửa đất mà ông C và ông H đã xây cất nhà ở từ năm 2000 đến nay. Vậy nên nếu chia chiều ngang mặt tiền theo yêu cầu của bà M và ôngH thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C và ông H. Do đó chia cho bà M và ôngH mỗi người chiều ngang mặt tiền cũng như phía sau là 07m và chiều dài từ trước ra sau là 25m là phù hợp. Như vậy diện tích đất của bà M và ôngH mỗi người được chia là 175m^2. Thửa đất được chia cho 4 phần, cụ thể mỗi phần được chia: 620m^2 đất ở : 4 = 155m^2; 952,2m^2 đất vườn : 4 = 238,05m^2. Như vậy mỗi phần được chia như sau: phần bà M là 155m^2 đất ở và 238,05m^2 đất vườn, phần ôngH là 155m^2 đất ở và 238,05m^2 đất vườn, phần của ông C và ông H nhận chung hai suất là 310m^2 đất ở và 476,1m^2 đất vườn. Phần bà M được nhận 175m^2 (trong đó 155m^2 đất ở và 20m^2 đất vườn), phần ôngH dược nhận 175m^2 (trong đó 155m^2 đất ở và 20m^2 đất vườn), phần ông C và ông H nhận chung 310m^2 đất ở và 912,2m^2 đất vườn.